

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HS-ST
Ngày 03-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Như

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bảo Chi
Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Anh Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 7 và ngày 03 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Th, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1996 tại Quảng Ngãi. Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Thợ may; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ch và bà Ngô Thị Hồng H; có chồng là Đỗ Tấn H1 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị H2 sinh năm 1978; nơi cư trú: Số nhà 1012 đường Quang Trung, phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Th là thợ may của tiệm may và bán vải ký TH tại số nhà 1012

đường Quang Trung, phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi do chị Nguyễn Thị H2 làm chủ. Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 03/3/2019, tại tiệm may TH, Th lợi dụng lúc chị H2 đang nấu cơm, rửa chén dưới bếp, đã lén lút trộm cắp chiếc túi xách màu đen của chị H2 để ở kệ vải trong tiệm, rồi ra ngoài điện thoại cho chồng là Đỗ Tấn H1 đến chở Th về như thường ngày. Trên đường về, Th mở túi xách kiểm tra thấy bên trong có số tiền 2.310.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Samsung J5 màu vàng có ốp lưng màu đen. Đến gần nhà, Th sử dụng số tiền trên mua thuốc cho con hết 500.000 đồng, nộp tiền học phí cho con hết 1.200.000 đồng, còn lại số tiền 610.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTTTHS ngày 03/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung J5 màu vàng trị giá: 1.000.000 đồng; 01 ốp lưng màu đen trị giá: 50.000 đồng; 01 túi xách màu đen có dây đeo trị giá: 50.000 đồng.

Cáo trạng số 45/CT-VKS ngày 15/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Nguyễn Thị Th về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi giữ nguyên quyết định truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Th phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù giam

Về xử lý vật chứng: Chị Nguyễn Thị H2 đã nhận lại 01 điện thoại di động hiệu Samsung J5 màu vàng; 01 ốp lưng màu đen; 01 túi xách màu đen và số tiền 2.310.000 đồng, nên đề nghị không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị H2 đã nhận lại 01 điện thoại di động hiệu Samsung J5 màu vàng; 01 ốp lưng màu đen; 01 túi xách màu đen và số tiền 2.310.000 đồng và không yêu cầu gì thêm nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị hại chị Nguyễn Thị H2 vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy chị H2 đã có lời khai trong quá trình điều tra, về trách nhiệm dân sự bị hại H2 không có yêu cầu gì, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị hại là đảm bảo đúng quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm

quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Nguyễn Thị Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với các lời khai tại giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ, do đó Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 03/3/2019, tại số nhà 1012 đường Quang Trung, phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi, bị cáo Th đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc túi xách màu đen bên trong có số tiền 2.310.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Samsung J5 màu vàng có ốp lưng màu đen của chị Nguyễn Thị H2. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 3.410.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như bản Cáo trạng số 45/CT-VKS ngày 15/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi truy tố bị cáo là có căn cứ.

[2.3] Xét tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Về nhận thức bị cáo hoàn toàn biết hành vi trộm cắp của người khác là trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã bỏ trốn, cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định truy nã, hành vi bỏ trốn của bị cáo gây khó khăn, kéo dài trong công tác điều tra vụ án, hiện tại bị cáo không có nơi cư trú ổn định. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, góp phần đấu tranh và phòng chống tội phạm.

[2.4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã thành khẩn khai báo và bị hại có đơn yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[2.5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại 01 điện thoại di động hiệu Samsung J5 màu vàng; 01 ốp lưng màu đen; 01 túi xách màu đen và số tiền 2.310.000 đồng và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về xử lý vật chứng: Bị hại đã nhận lại tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Samsung J5 màu vàng; 01 ốp lưng màu đen; 01 túi xách màu đen và số tiền 2.310.000 đồng và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.7] Đối với Đỗ Tấn H1 là chồng bị cáo Th: Khi H1 đến chở bị cáo Th về, H1 không biết việc bị cáo Th đã trộm cắp tài sản của chị H2 nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H1 là có căn cứ.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, hình phạt, về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Th phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Th 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Th phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT CATP Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS CATP Quảng Ngãi;
- Bộ phận HSNV CATP Quảng Ngãi;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Như

